

Bản án số: 814/2024/HC-PT  
Ngày 01-8-2024  
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong quản lý Nhà nước về đất đai”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Nối - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 167/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2023/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2192/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Dương Tấn Q (tên gọi khác: P), sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ liên lạc: Tổ B, khu phố D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; (có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ số D, đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Trần Thanh H1, chức vụ: Phó Trưởng Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vườn Quốc gia P. Địa chỉ Ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc; (xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Văn C, sinh năm 1954. Địa chỉ thường trú khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Hiện cư trú tại ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

*Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố P là người bị kiện.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Dương Tấn Q trình bày:*

Ông Dương Tấn Q có diện tích 4.177,80m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện P (nay là khu phố B, phường A, thành phố P), tỉnh Kiên Giang, đất có nguồn gốc do ông Trương Văn M khai hoang sử dụng từ năm 1983, sau đó ông M vượt biên để lại cho con gái Trương Mỹ N quản lý sử dụng. Năm 1987 bà N chuyển nhượng cho ông Đặng Văn C tiếp tục quản lý sử dụng và canh tác mở rộng thêm, đến năm 2013 ông C chuyển nhượng lại cho ông Q một phần tiếp tục sử dụng, đất này chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30/12/2016 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 8746/QĐ-UBND thu hồi đất đối với ông Dương Tấn Q diện tích đất 4.177,80m<sup>2</sup> để thực hiện Dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi, giải trí biển H- P.

Đến ngày 04/4/2017 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2880/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Dương Tấn Q số tiền 0 đồng.

Ông Dương Tấn Q cho rằng, UBND thành phố P không bồi thường đất đai, cây trồng là không đúng, đất này do ông Q nhận quyền nhượng có nguồn gốc rõ ràng được khai hoang và sử dụng hợp pháp, liên tục, không có tranh chấp. Nếu UBND thành phố P không bồi thường về đất đai thì cũng phải bồi thường cây trồng, trong khi thu hồi đất nhưng không bồi thường, hỗ trợ bất cứ khoản tiền nào, trong khi đất của ông Q thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Ông Dương Tấn Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ 0 đồng đối với diện tích đất 4.177,80m<sup>2</sup>.

- Buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ đối diện tích 4.177,80m<sup>2</sup> đã có quyết định thu hồi đất cho ông Dương Tấn Q theo quy định của pháp luật.

*Tại Văn bản số 1774/UBND-NCPC ngày 17 tháng 10 năm 2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:*

1. Việc không bồi thường, hỗ trợ diện tích 4.177,8 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho ông Dương Tấn Q.

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 4.177,8m<sup>2</sup> tại ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố B, phường A, thành phố P) theo kết quả xét duyệt nguồn gốc của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất xã H xác định do ông Dương Tấn Q khai khẩn sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 30/12/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 8746/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Dương Tấn Q diện tích 4.177,8m<sup>2</sup> đất để thực hiện Dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P, đồng thời ban hành Quyết định số 8313/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 04/4/2017, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2880/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó bồi thường đất đai: 0 đồng, hỗ trợ đất: 0 đồng; hoa màu: 0 đồng; vật kiến trúc: 0 đồng, ông Q không thống nhất nên làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định này.

UBND huyện P không bồi thường, hỗ trợ diện tích 4.177,8 m<sup>2</sup> cho ông Dương Tấn Q là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 82 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Vì diện tích đất 4.177,8m<sup>2</sup> do ông Dương Tấn Q khai khẩn sau ngày 01/7/2004 nên không bồi thường là đúng. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn Q.

2. Đối với việc hủy kết quả xét duyệt nguồn gốc đất tại các Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016, Biên bản số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017 và Biên bản số 187/BB-HĐ ngày 29/3/2018.

Ngày 31/8/2016, Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất xã H tiến hành xét duyệt nguồn gốc cho những hộ trong dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P, trong đó có hộ ông Dương Tấn Q (Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016). Kết quả xét duyệt diện tích đất 4.177,8m<sup>2</sup> chia làm 02 phần:

- Diện tích 1.354,3m<sup>2</sup> do ông Trương Văn M khai phá trước năm 1993, sau đó vượt biên bán lại cho ông Đặng Văn C, đến năm 2013 bán lại cho ông Q sử dụng đến nay. Trên đất có thành quả lao động.

- Diện tích 2.823,5m<sup>2</sup> không có thành quả, hiện trạng cây rừng do rừng phòng hộ quản lý.

Ngày 02/6/2017, Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất xã H tiến hành xét duyệt nguồn gốc cho những hộ trong Dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P, trong đó có hộ ông Dương Tấn Q (Biên bản số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017) và Ngày 14/3/2018 xét duyệt lại nguồn gốc cho những hộ trong dự án, trong đó có hộ ông Dương Tấn Q (Biên bản số 187/BB-HĐ ngày 29/3/2018). Qua đó giữ nguyên kết quả xét duyệt tại Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016 đối với ông Dương Tấn Q.

Ngày 01/11/2018, do kết quả xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất những hộ trong dự án chưa chính xác, nên Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất xã H tiến hành xét duyệt lại nguồn gốc đất, trong đó có hộ ông Dương Tấn Q. Qua đó

xác định diện tích 4.177,8m<sup>2</sup> ông Dương Tấn Q khai khẩn sau ngày 01/7/2004, không đủ điều kiện bồi thường, nên đã huỷ kết quả xét duyệt nguồn gốc đất tại các Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016, Biên bản số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017 và Biên bản số 187/BB-HĐ ngày 29/3/2018, đồng thời tiến hành niêm yết kết quả tại UBND xã H theo đúng quy định pháp luật (Thông báo số 388/TB-UBND ngày 15/6/2019).

*Tại Văn bản số 96/VQG-DLST&CHSV ngày 07 tháng 3 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vườn Quốc gia P trình bày:*

Việc ông Dương Tấn Q khởi kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và yêu cầu ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Dương Tấn Q không thuộc thẩm quyền xem xét, ý kiến của Vườn Quốc gia P. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2023/HC-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:*

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn Q.

- Hủy Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A, xã H (nay là phường A) huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Dương Tấn Q số tiền 0 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất 4.177,8m<sup>2</sup> đã thu hồi tại Quyết định số 8746/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc thu hồi đất đối với ông Dương Tấn Q để thực hiện dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại xã H (nay phường A), huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Dương Tấn Q, trong đó:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây trồng đối với diện tích 1.354,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 233;

+ Hỗ trợ khác (nếu có) đối với diện tích đất 167,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 233A và diện tích đất 2.656,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 247.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện trình bày:* án sơ thẩm nhận định chưa phù hợp về các biên bản họp xét duyệt lấy ý kiến tại 3 cuộc họp đều có mặt ông Q, tại 3 cuộc họp xét duyệt năm 2019 hủy 3 biên bản trước đó cũng có mặt ông Q dự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*Người khởi kiện ông Dương Tấn Q trình bày:* Thực tế trên đất đều thể hiện có công sức trong các biên bản xét duyệt nhưng không bồi thường là không đúng, án sơ thẩm xử có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại 3 Biên bản xét duyệt đều thể hiện trên đất ông Q có thành quả nhưng Biên bản năm 2019 lại hủy bỏ kết quả xét duyệt là không có căn cứ, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phù hợp đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Dương Tấn Q đối với phần đất thu hồi 4.177,8 m<sup>2</sup> để thực hiện Dự án cáp treo và Quần thể vui chơi, giải trí biển H-P. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Ông Q đã có đơn khiếu nại và được UBND thành phố P ra Thông báo thụ lý giải quyết số 1036/TB-UBND ngày 12/7/2018, đến ngày 27/12/2018 ông Q có đơn rút đơn khiếu nại và ngày 22/02/2019 ông Q có đơn khởi kiện và được Tòa án nhận đơn tại Giấy xác nhận đơn khởi kiện số 05/2019/GXN-TA ngày 20/3/2019 là chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày rút đơn khiếu nại. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và trong thời hạn khởi kiện được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Quyết định số 8746/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi 4.177,8 m<sup>2</sup> để thực hiện Dự án cáp treo và Quần thể vui chơi, giải trí biển H-P; Quyết định số 8313/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là những Quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến Quyết định mà ông Q khởi kiện nên vẫn là đối tượng xem xét cùng với Quyết định bị khởi kiện trong vụ án này nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét là có thiếu sót, vi phạm quy định theo khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Dương Tấn Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 có nội dung bồi thường, hỗ trợ 0 đồng cho ông Dương Tấn Q được UBND thành phố P ban hành dựa trên diện tích đất 4.177,80m<sup>2</sup> đã có quyết định thu hồi đất đối với ông Dương Tấn Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

[3.2] Về nội dung: Diện tích 4.177,80m<sup>2</sup> tọa lạc tại Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Dương Tấn Q là người trực tiếp quản lý, sử dụng đến thời điểm UBND thành phố P có quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi, giải trí biển H - P, đất không tranh chấp, đã được đo đạc chia thành 03 thửa (233, 233A, 247), được lập biên bản ghi nhận về diện tích đất, kiểm đếm cây trồng trên đất, được Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã H (nay là phường A) xét duyệt nguồn gốc đất 03 lần ở ba thời điểm khác nhau, có chung nội dung xét duyệt như sau: *"Đối với thửa đất số 233 có diện tích 1.354,3m<sup>2</sup> có nguồn gốc đất do ông Trương Văn M khai phá năm 1993, sau đó ông M đi vượt biên bán lại cho ông Đặng Văn C, đến năm 2013 bán lại cho ông Q và sử dụng đến nay, trên đất có thành quả. Diện tích 2.823,5m<sup>2</sup> không có thành quả, hiện trạng cây rừng do Rừng phòng hộ quản lý"*. Xét quá trình ông Q quản lý, sử dụng đất là do nhận chuyển nhượng, có thời điểm sử dụng đất năm 1987, sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp, trong đó diện tích đất 1.354,3m<sup>2</sup> có thành quả cây trồng và hoa màu do bên chuyển nhượng đã trồng để lại, còn lại diện tích 2.823,5m<sup>2</sup> sau khi nhận chuyển nhượng mới trồng cây. Về phía người bị kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện tại các biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra xác minh một số hộ dân đối với diện tích đất ông Q đã được đo đạc lập phương án không nằm trong khu đất tranh chấp giữa ông Đặng Văn C với ông Dương Văn T2. Riêng tại Biên bản làm việc ngày 29/11/2018 do Đ xác minh làm việc với ông Trần Quốc H2 (Phó chủ tịch UBND xã H), ông Nguyễn Văn A (Công chức địa chính xã H) thể hiện có ghi nội dung: *"Nay UBND xã Hòn Thơm đính chính lại thửa đất này toàn bộ đều sử dụng sau 01/7/2004 nên không đủ điều kiện bồi thường"* và Biên bản xét nguồn gốc sử dụng đất bổ sung số 740/BB-HĐ ngày 12/12/2018 của Hội đồng xét nguồn gốc đất xã H để hủy toàn bộ 03 Biên bản xét nguồn gốc đất số 22/BB-HĐ ngày 21/6/2016, số 20/BB-HĐ ngày 26/7/2017 và số 187/BB-HĐ ngày 29/3/2018 của Hội đồng xét nguồn gốc đất xã H đã xét trước đó để cho rằng ông Q khai khẩn sau ngày 01/7/2004 nên không bồi thường là không đúng thực tế, người bị kiện không chứng cứ nào khác để chứng minh về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất. Như vậy, thửa đất 233 có diện tích 1.354,3m<sup>2</sup> đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 77, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nhưng UBND thành phố P quyết định bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây trồng số tiền 0 đồng cho ông Q là không phù hợp. Đối với thửa đất số 233A có diện tích 167,3m<sup>2</sup> và thửa đất số 247 có diện tích 2.656,2m<sup>2</sup>, thời điểm xét duyệt nguồn gốc đất thể hiện tại Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 30/8/2016 không có thành quả, hiện trạng cây rừng do Rừng phòng hộ quản lý, tiếp đó 03 lần xét duyệt lại nguồn gốc đất tại các thời điểm khác nhau đều thể hiện nội dung này, điều này phù hợp với lời khai tại phiên tòa của ông Q cũng thừa nhận có trồng mới một số cây sau này, ông Q không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ về đất đai do sử dụng sau ngày

01/7/2004, sau ngày Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, trong đó có quy hoạch Rừng phòng hộ P.

[4] Từ các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn Q là có căn cứ, đúng pháp luật; Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo nhưng cũng không cung cấp tài liệu, chứng nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2023/HC-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Cụ thể tuyên:

Áp dụng: Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 77, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn Q.

- Hủy Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A, xã H (nay là phường A) huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Dương Tấn Q số tiền 0 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất 4.177,8m<sup>2</sup> đã thu hồi tại Quyết định số 8746/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc thu hồi đất đối với ông Dương Tấn Q để thực hiện dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H -

P tại xã H (nay phường A), huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Dương Tấn Q, trong đó:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây trồng đối với diện tích 1.354,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 233;

+ Hỗ trợ khác (nếu có) đối với diện tích đất 167,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 233A và diện tích đất 2.656,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 247.

## 2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005524 ngày 20/12/2023 là đủ.

3. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### *Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTTLT, (15b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Minh**